TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 162/2024/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 265/2024/TLST-LĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp số: 143/2024/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Lương Thị T, sinh năm 1994; thường trú: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần L; địa chỉ: Số B, đường Đ, Khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Thu P, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B, đường Đ, Khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30/10/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Lương Thị G, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/10/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 14/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Lương Thị T trình bày:

Bà đi xin việc tại Công ty T2, địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vị trí việc làm: Công nhân may, công việc toàn thời gian. Bà ký hợp đồng và bắt đầu đi làm, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ năm 2012 tại đây. Từ tháng 12/2012 đến tháng 2/2013 bà tiếp tục làm việc và được Công ty Cổ phần T2 tham gia bảo hiểm, mã số BHXH 7412148009, đến tháng 3/2013 bà xin nghỉ việc ở nhà do bận công việc gia đình. Từ tháng 12/2013 bà lại nộp hồ sơ xin vào làm việc ở Công ty Cổ phần T2, lúc này đang thử việc nên bắt đầu được công ty đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2014 đến tháng 9/2023. Ngoài ra, bà không làm việc ở bất cứ Công ty nào khác. Từ năm 2023 đến nay bà nghỉ việc.

Bà có người quen cùng quê tên Lương Thị G. Do thời gian này bà G chưa đủ tuổi để đi xin việc nên bà G hỏi mượn chứng minh nhân dân số 187253926 do Công an tỉnh N cấp cho bà để đi xin việc làm. Bà đồng ý cho bà G mượn chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch và bà G đi xin việc ở Công ty L. Bà G mượn hồ sơ của bà T và ký hợp đồng lao động, làm việc ở Công ty này trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 11/2011 nghỉ việc. Sau đó bà G tiếp tục xin việc lại và làm việc tại Công ty L vào tháng 12/2013, do lúc này bà đã đi làm và biết sẽ bị trùng bảo hiểm nên bà G có khai báo với Công ty về việc mượn hồ sơ của bà T để vào làm việc. Do đó trên hệ thống bảo hiểm xã hội lưu thông tin hồ sơ Lương Thị T tại công ty L là hồ sơ giả mặc dù không bị trùng thời gian đóng bảo hiểm. Sau đó bà G không tiếp tục làm việc tại Công ty L đồng thời không sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của bà để làm việc ở bất cứ doanh nghiệp nào khác.

Căn cứ thẻ công nhân mà Công ty L cung cấp có tên bà thì bà xác định thẻ phía trên (năm 2011) là thông tin và hình ảnh của bà do bà cho bà G mượn, đối với thẻ ở dưới (năm 2013) thì bà được cấp đổi chứng minh nên bà G mượn chứng minh mới của bà đồng thời bà G tự lấy hình của bà G dán vào để làm việc ở công ty, đây là hình của bà G chứ không phải hình của bà. Năm 2024 bà đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết hồ sơ bảo hiểm của bà bị ghi chú là hồ sơ giả nên không thể làm thủ tục.

Việc bà cho người khác mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Đồng thời bà chỉ cho bà G mượn hồ sơ để làm việc ở Công ty L thời gian như trên, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác.

Nay bà làm đơn yêu cầu Toà án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên bà (do bà G ký) với Công ty L. Mục đích: Để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Bà chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian bà G tham gia bảo hiểm tại Công ty L. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà G và Công ty L đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô

hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà không có yêu cầu gì về chế độ bảo hiểm đối với thời gian bà G tham gia bảo hiểm dưới tên bà.

Tại Bản tự khai đề ngày 24/10/2024 bà Lương Thị G trình bày:

Bà là bạn cùng quê của bà Lương Thị T. Bà bắt đầu vào D và xin việc từ năm 2011. Lúc này do bà chưa đủ 18 tuổi không thể nộp hồ sơ xin việc được nên bà hỏi mượn chứng minh nhân dân của bà Lương Thị T để làm hồ sơ nộp vào công ty, bà T đồng ý cho bà mượn chứng minh nhân dân số 187253926 do Công an tỉnh N cấp cho Lương Thị T. Sau khi mượn chứng minh và làm đầy đủ hồ sơ thì bà nộp hồ sơ xin việc ở Công ty Cổ phần L để xin việc làm, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên bà không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với công ty L là bà chứ không phải bà Lương Thị T, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà T. Bà trực tiếp làm việc ở Công ty L với vị trí là công nhân từ tháng 7/2011 đến tháng 11/2011 thì nghỉ việc. Tới tháng 12/2013, bà xin việc lại và làm việc tại Công ty L 01 tháng thì biết bị trùng bảo hiểm với bà T do lúc này bà T đã đi làm nên bà nghỉ việc. Bà không giữ sổ bảo hiểm trong thời gian làm việc ở đây. Sau đó bà không sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để làm việc ở nơi nào khác. Mục đích bà mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay bà Lương Thị T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Thị T và Công ty Cổ phần L vô hiệu do bà mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty Cổ phần L thì bà đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Toà án giải quyết cho bà Lương Thị T để bà T được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà không mong muốn được Công ty Cổ phần L ký lại hợp đồng, cũng không yêu cầu được nhận chế độ bảo hiểm trong thời gian này. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Văn bản số 02/CV-Lati/2024, ngày 30/10/2024, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần L trình bày:

Theo đơn yêu cầu của bà Lương Thị T và tài liệu kèm theo Công ty không nhận được thông tin về việc cơ quan BHXH xác nhận về việc bà Lương Thị T bị trùng quá trình tham gia BHXH. Khi công ty tuyển dụng lao động thì sẽ yêu cầu ứng viên nộp đầy đủ hồ sơ: Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, giấy CMND, sổ hộ khẩu công chứng, giấy khám sức khỏe, các giấy tờ liên quan khác, nên khi bà Lương Thị T xác nhận là không làm việc tại Công ty Cổ phần L và khai không cho ai mượn hồ sơ là không hợp lý. Do thời gian đã lâu và bạo động diễn ra vào ngày 13/5/2014, Công ty đã bị đánh cắp và hư hỏng rất nhiều thiết bị máy tính, và bị đốt hầu hết những hồ sơ nhân sự đã nghỉ việc nên không tìm ra được hồ sơ gốc của bà T. Nhưng từ hệ thống cũ, Công ty tìm được thông tin công nhân với tên Lương Thị T, số CMND: 187253926 có làm việc và giao kết hợp đồng lao động tại Công ty vào hai khoảng thời gian: Giao kết hợp đồng lao động từ tháng 6/2011 đến 11/2011 (nghỉ việc ngày 02/12/2011) và giao kết hợp đồng lao động tháng 12/2013 (nghỉ việc ngày 04/01/2014).

Tại Bản tự khai ngày 28/10/2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần L cho người lao động thì Công ty Cổ phần L có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lương Thị T, sinh năm 1994, số CCCD 040194007627 với mã số BHXH 7411210558 từ tháng 07/2011 đến tháng 11/2011 và từ tháng 12/2013 đến tháng 12/2013, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội. Ngoài ra bà Lương Thị T còn có mã số 7412148009, có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN, từ tháng 04/2012 đến tháng 02/2013 và từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2023 tại công ty Cổ phần T2. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Lương Thị T và Công ty TNHH L, đề nghị Tòa án thành phố D căn cứ các quy định của pháp luật để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Lương Thị T, BHXH không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà Lương Thị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ toạ, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung việc lao động: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được đưa ra xem xét tại phiên họp, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là bà Lương Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị G, Bảo hiểm xã hội thành phố D, Công ty Cổ phần L vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 11/2011 và tháng 12/2013, người lao động tên Lương Thị T, sinh năm 1994, số căn cước công dân 040194007627 được Công ty Cổ phần L tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7411210558. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần L và bà Lương Thị T phát sinh từ hợp đồng lao động (không nhớ rõ ngày tháng). Tuy nhiên, bà Lương Thị T và bà Lương Thị G thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần L và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần L trong khoảng thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 11/2011 và tháng 12/2013 theo hợp đồng lao động là bà Lương Thị G chứ không phải bà Lương Thị T do bà G mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T trong thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 11/2011 chưa đi làm, từ tháng 12/2013 làm ở Công ty Cổ phần T2. Mục đích mượn giấy tờ là để bà G có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Mặc

dù căn cứ quá trình tham gia bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp không thể hiện việc bà T bị trùng bảo hiểm trong các khoảng thời gian này (Công ty Cổ phần T2 tham gia BHXH cho bà T từ tháng 01/2014), tuy nhiên trình bày của bà T và bà G về việc do tháng 12/2013 phát hiện nếu tiếp tục làm việc sẽ dẫn đến việc trùng bảo hiểm, hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội cũng thể hiện thông tin ghi chú về hồ sơ lao động của bà T là hồ sơ giả, không thể tiến hành các thủ tục để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định nên bà T phải nộp đơn yêu cầu Toà án xem xét là phù hợp. Việc bà G lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là có thật và hành vi của bà T, bà G là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động với Công ty theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó, các hợp đồng lao động được giao kết giữa bà T (do bà G mượn tên) với Công ty Cổ phần L là vô hiệu theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tại phiên họp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc lao động: Bà Lương Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lương Thị T và Công ty Cổ phần L (thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2011 đến tháng 11/2011 và tháng 12/2013) vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lương Thị T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T đã

nộp theo biên lai thu tiền số 0001762 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh